TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 160 /2024/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 16 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1965; cùng địa chỉ: Kiệt 139/H59/58 số nhà 14, tổ 41, phường Th, quận S, thành phố Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Minh Đ và bà Nguyễn Thị M kết hôn với nhau vào năm 1985, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cũ (Giấy chứng nhận kết hôn số 101 ngày 05/8/1985) nay là UBND phường Th, quận S, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường Th, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm, không hòa hợp, không có tiếng nói chung và

hay cãi vã. Ông Đ thường hay say xỉn về nhà gây gổ ảnh hưởng đến gia đình, mặc dù các con trong gia đình hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Ông Đ và bà M sống không hạnh phúc và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông Đ và bà M đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Minh Đ và bà Nguyễn Thị M là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông Đ và bà M xác định có 03 con chung tên Trần Minh A, sinh ngày 09/6/1988; Trần Thị Thanh L, sinh ngày 27/9/1998 và Trần Minh Nh, sinh ngày 17/01/1991. Thuận tình ly hôn ông bà xác định các con đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

[3] *Về tài sản chung:* Ông Đ và bà M xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

[4] *Về nợ chung:* Ông Đ và bà M xác định không có.

[5] *Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông Trần Minh Đ và bà Nguyễn Thị M được miễn tiền lệ phí vì thuộc đối tượng người cao tuổi.

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 08 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Minh Đ và bà Nguyễn Thị M. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 101, do UBND phường Th, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng cấp cho ông Đ và bà M ngày 05/8/1985 không còn giá trị pháp lý).*

- *Về con chung:* Đối với con Trần Minh A, sinh ngày 09/6/1988; Trần Thị Thanh L, sinh ngày 27/9/1998 và Trần Minh Nh, sinh ngày 17/01/1991 đã đủ 18 tuổi nên không đề cập đến.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Minh Đ và bà Nguyễn Thị M được miễn tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm vì thuộc đối tượng người cao tuổi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường Th, quận S, tp Đà Nẵng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Vũ